

Số: 146/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 343/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty TNHH D; địa chỉ: C T, phường T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Ngọc A – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công Ty TNHH D1: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H; Địa chỉ: B Bis N, phường S, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ- Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Hữu Đ: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc chi nhánh B theo văn bản uỷ quyền số 2029.10/2025/HDUQ/KAL-BH 15/10/2025.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ông Nguyễn Văn H: Ông Huỳnh Quốc N- Chuyên viên xử lý nợ Chi nhánh B; Địa chỉ:

- Bị đơn: Bà Phan Thị Bé E, sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà C ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vào ngày 27/8/2026 bà Phan Thị Bé E có nghĩa vụ cho Công ty TNHH D tạm tính đến ngày 28/01/2026 số tiền 657.962.162 đồng, trong đó: nợ gốc 471.155.582 đồng; nợ lãi trong hạn 76.337.339 đồng; nợ lãi quá hạn: 100.848.987 đồng ; lãi chậm trả lãi: 9.616.911 đồng.

2. Bà **Phan Thị Bé E** phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ đã ký kết với **H1** kể từ sau ngày 28/01/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp bà **Phan Thị Bé E** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **Công Ty TNHH D**, **Công Ty TNHH D** yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp là TĐS 224 – TĐĐ 27, **ấp C, xã T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre** (hiện nay là **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 961512, số vào sổ cấp GCN: CH03972 do **UBND huyện T, tỉnh Bến Tre** cấp ngày 24/11/2016 cho **H2** theo Hợp đồng thế chấp số 0132/18/HĐBĐ-225 ngày 03/05/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0132/18/HĐBĐ-225/PL01 ngày 22/10/2020, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của bà **Phan Thị Bé E** đối với **Công Ty TNHH D**. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà **Phan Thị Bé E** tại **Công Ty TNHH D**, thì bà **Phan Thị Bé E** phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định: **Công Ty TNHH D** tự nguyện nộp toàn bộ là 200.000 đồng và đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- **Công Ty TNHH D** phải nộp là 7.579.621 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.187.000 đồng theo biên lai thu số 0010079 ngày 25/5/2026 của **T** hánh án dân sự tỉnh Vĩnh Long. **Công Ty TNHH D** được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền còn lại là 6.607.379 đồng.

- Bà **Phan Thị Bé E** là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự-Vĩnh Long ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).